

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **151/2021/HNGĐ-PT**
Ngày: 31-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc***
*Các Thẩm phán: 1. Bà **Mai Vân Anh***
*2. Ông **Nguyễn Anh Dũng***
- **Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Việt Hoa****
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Ngô Phương Liên** - Kiểm sát viên.**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1986; hộ khẩu: Số 40 ngõ H, phố M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; tạm trú: Căn hộ 912 Chung cư Tập thể H, phường P, quận H1, thành phố Hà Nội; (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1985; hộ khẩu: Số 40 ngõ H, phố M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 305 A2 tập thể M, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Hồng T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh B ngày 19/3/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân 01 năm. Tháng 10/2016 vợ chồng đoàn tụ, sinh thêm con thứ 2 năm 2018. Từ tháng 8/2020 vợ chồng lại mâu thuẫn, sống ly thân cho đến nay. Ngày 15/6/2021, chị Nguyễn Thị Thu H nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H.

Chị H và anh T đều xác định nguyên nhân dẫn đến việc chị H đề nghị ly hôn là do anh T bị mất kiểm soát về tài chính, dẫn đến nợ nần; không chăm sóc vợ con. Nay chị H không còn tình cảm và lòng tin với anh T nữa, không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nên kiên quyết ly hôn. Còn anh T cho rằng mặc dù anh là người có lỗi nhưng anh đã xin lỗi vợ; nay anh đã kiểm soát được tài chính và anh vẫn còn thương yêu vợ nên không muốn ly hôn; anh muốn các con được sống trong gia đình có đầy đủ cả bố và mẹ; đề nghị chị H cho anh thêm thời gian khoảng 6 tháng đến 01 năm để anh thể hiện thành ý, sửa chữa lỗi lầm.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Minh A sinh ngày 01/10/2012 (nữ) và Nguyễn Nhật C sinh ngày 09/5/2018 (nam). Hiện cả hai con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đồng ý, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 40/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân quận H đã xử cho chị H được ly hôn anh T; giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xét; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét.

Sau khi xử sơ thẩm, anh T kháng cáo không đồng ý ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H giữ yêu cầu khởi kiện; anh T giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị được nuôi dưỡng 01 hoặc cả 02 con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Hồng T có mặt tại phiên tòa ngày 30/9/2021, có đơn kháng cáo ngày 12/10/2021 và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm ngày 19/10/2021 nên đơn kháng cáo của anh T là trong thời hạn và hợp lệ quy định tại các Điều 271, 273, 276 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại cấp sơ thẩm, anh T tự khai, trình bày và xác nhận: Trước khi kết hôn và sau khi kết hôn đến tháng 10/2020 anh đầu tư thua lỗ, nợ nần nhiều nhưng không nói cho chị Nguyễn Thị Thu H biết; vợ chồng độc lập về kinh tế; mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do chị Nguyễn Thị Thu H chi trả, anh không đóng góp gì; anh công nhận không có trách nhiệm với gia đình; không

chăm sóc vợ con. Nay tại cấp phúc thẩm anh lại cho rằng anh khai như thế để hòa giải với chị H còn sự thật không phải như thế là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H khai anh T nợ hơn 200 triệu đồng của người ta phải vay chị để trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả cho chị; anh T thừa nhận có vay tiền của chị H từ năm 2012 đến nay vẫn chưa trả nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể.

Như vậy, trong suốt 10 năm chung sống, anh Nguyễn Hồng T đã không cùng vợ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ vợ; không cùng vợ chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 3 Điều 2 và Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình; vi phạm nghiêm trọng quyền của người vợ và nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án 02 cấp đã cố gắng hòa giải nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh T; còn anh T còn tình cảm với chị H nhưng không có cách gì làm cho chị H thay đổi quyết định, trong khi hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ 02 phía. Cấp sơ thẩm xử cho chị H ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đoàn tụ của anh T.

[3] *Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:* Chị H và anh T không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án sẽ quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Việc giao con cho bên nào trực tiếp nuôi không phải là đảm bảo quyền của cha hay mẹ mà là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và cũng không tước đi quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi bởi Khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Chị H, anh T đều mong muốn giáo dục các con trở thành người con tốt, có ích cho xã hội. Nhưng việc làm của cha mẹ mà không tốt sẽ là tấm gương xấu cho các con, ảnh hưởng đến sự giáo dục con. Trước khi kết hôn và sau khi kết hôn anh T đều lâm vào cảnh nợ nần, không thể lo được cho vợ con thì không có gì đảm bảo sau khi ly hôn anh T trả hết nợ và không lâm vào tình cảnh bị người ta đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến các con. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ là thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội; trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con (Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình). Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân, anh T đã vi phạm nghĩa vụ của người cha khi không chăm lo việc học tập của con, không trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con. Mặc dù anh T hứa hẹn sẽ chăm sóc tốt cho con trai thứ hai nếu được trực

tiếp nuôi nhưng không có gì đảm bảo điều đó khi từ lúc các con sinh ra đến nay anh chưa hề chăm sóc con mà tất cả đều do chị H một mình chăm sóc.

Chị H, anh T không có nhà ở riêng, đều phải ở nhờ, ở thuê. Chị H có thu nhập ổn định tại Ngân hàng TMCP H từ 34.250.498đ – 42.269.959đ/tháng. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, anh T chưa hết hợp đồng lao động 01 năm với Ngân hàng TMCP Q thì chuyển sang làm việc tại Ngân hàng TMCP M; hiện anh T đang trong thời gian thử việc 06 tháng với mức lương thử việc = 100% lương cơ bản là 6.521.000đ + 50% lương kinh doanh cố định (9.123.000đ x 50% là 4.561.000đ) = 11.082.000đ; trong thời gian thử việc không được hưởng các khoản phụ cấp, cơm, công tác phí và điện thoại. Theo Báo cáo sổ phụ thể hiện anh T nhận lương tháng 8/2021 là 15.587.525đ, tháng 9/2021 là 30.084.820đ. Tuy nhiên, chưa biết khi hết thời gian thử việc anh T có được tiếp tục làm việc tại Ngân hàng TMCP M không. Như vậy, thu nhập của chị H đảm bảo có thể trực tiếp nuôi dưỡng hai con mà không cần đóng góp cấp dưỡng nuôi con của anh T. Anh T khai hiện nay đã trả hết nợ nhưng không có gì để chứng minh và việc anh T không cấp dưỡng cho con trong trường hợp chị H nuôi cả hai con chứng minh anh T không có đủ điều kiện kinh tế để trực tiếp nuôi con.

Con thứ nhất của chị H, anh T đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với chị H nên Tòa án phải xem xét nguyện vọng này của cháu. Con thứ hai là con trai sinh ngày 09/5/2018 mới hơn 03 tuổi, còn nhỏ, rất cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ trong thời gian này. Mặt khác, hiện nay đang trong thời gian dịch bệnh Covid-19, các trường học đều không học tập trung mà học online nên việc giao 02 con cho một người trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo hai con đều được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập như nhau, không có thêm sự thay đổi khi bố mẹ ly hôn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển về mọi mặt của các con.

Bản án sơ thẩm giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh T.

[4] Không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh T, giữ nguyên án sơ thẩm nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 40/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận H.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Hồng T.

2. Giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Minh A sinh ngày 01/10/2012 và Nguyễn Nhật C sinh ngày 09/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Hồng T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 11586 ngày 21/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000đ đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 11894 ngày 19/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội
- Chi cục THA DS quận H
- Tòa án ND quận H.
- UBND phường H, huyện Đ, tỉnh T (Giấy CNKH số 27/2014 quyền số 01/2014)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hoàng Phúc

Xét thấy, theo Quyết định 902/2020/QĐ-GĐK ngày 13/11/2020 về việc tiếp nhận chính thức (bút lục 93), Quyết định 461/2020/QĐ-GĐK ngày 13/11/2020 về việc xếp thu nhập (bút lục 92) của Giám đốc khối QTNN1 Ngân hàng TMCP Quốc Dân và Hợp đồng lao động số 1.2020.A07111/2020/HĐLĐ-NCB ngày 01/12/2020 (bút lục 98) thì anh Nguyễn Hồng T là Chuyên viên cao cấp Quan hệ khách hàng cá nhân – Trung tâm khách hàng cá nhân Nguyễn Văn Cừ - Chi nhánh Hà Nội – Vùng khách hàng cá nhân Hà Nội 1 - Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) trong thời hạn từ ngày 14/11/2020 đến ngày **13/11/2021**, thời gian làm việc 48 giờ/tuần với tổng thu nhập trước thuế và các khoản phải nộp BHXH, BHYT... là 13.500.000đ. Theo thông tin tài khoản do Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Hà Nội – Phòng giao dịch **Kim Liên** cung cấp ngày 28/7/2021 (bút lục 87-91) lương từ tháng 10/2020 đến tháng 6/2021 của anh Nguyễn Hồng T khoảng từ 11.598.450đ – 12.548.000đ, riêng 02 tháng 12/2020 và tháng 01/2021 lương từ 16.487.401đ – 17.699.999đ; không có lương tháng 7/2021.

Theo Quyết định 1052A/2021/QĐ-TGĐ ngày 01/7/2021 của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 99, 100) thì anh Nguyễn Hồng T là Chuyên viên cao cấp Quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) - Chi nhánh Ba Đình - Phòng giao dịch Trung Hòa từ ngày **01/7/2021** đến 30/6/2022, thời gian làm việc 5,5 ngày/tuần; thời gian thử việc 06 tháng với mức lương thử việc = 100% lương cơ bản (6.521.000đ) + 50% lương kinh doanh cố định (9.123.000đ x 50% là 4.561.000đ) = **11.082.000đ**; trong thời gian thử việc không được hưởng các khoản phụ cấp, cơm, công tác phí và điện thoại. Tuy nhiên, tại Báo cáo số phụ thể hiện anh Nguyễn Hồng T nhận lương tháng 8/2021 là 15.587.525đ, lương tháng 9/2021 là 30.084.820đ.